

Vai trò của Urasenke trong quá trình cận đại hóa trà đạo giai đoạn 1868-1945

Nguyễn Thị Thuý Ngân*

Tóm tắt: Giai đoạn 1868-1945 là thời kỳ đầy thách thức đối với văn hóa truyền thống Nhật Bản nói chung, trà đạo nói riêng. Phái trà Urasenke đã tích cực hoạt động để vực dậy trà đạo, phái nổi bật với các hoạt động đại chúng hóa, quốc tế hóa trà đạo. Mặt khác, với bối cảnh số lượng người học trà đang giảm đi như hiện nay, việc “ôn cố tri tân”, tìm hiểu về quá khứ để đưa ra gợi ý cho hậu hiện đại là điều cần thiết. Nghiên cứu này tập trung làm rõ vai trò của Urasenke trong quá trình cận đại hóa trà đạo, xu hướng cận đại hóa của nghi lễ trà và tư duy cận đại hóa của phái. Bên cạnh đó, bài viết chỉ ra nguyên nhân thành công của Urasenke so với các phái trà còn lại cũng như vai trò chính của các vị trưởng môn trong giai đoạn này.

Từ khóa: phái trà Urasenke; cận đại hóa; quốc tế hóa trà đạo; giai đoạn 1868-1945.

Ngày nhận: 09/4/2025; ngày chỉnh sửa: 07/5/2025; ngày chấp nhận đăng: 30/8/2025

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2025.11.4.6>

1. Mở đầu

Giai đoạn 1868-1945 được coi là thời kỳ thăng trầm với văn hóa truyền thống Nhật Bản nói chung, trà đạo (茶道) nói riêng (Kuwata 1967: 208-238). Đứng trước những thay đổi đột ngột của cuộc Duy Tân Minh Trị và hai cuộc chiến tranh thế giới, trà đạo đứng trước yêu cầu phải điều chỉnh, cải cách để tồn tại và phát triển. Trải qua nhiều thăng trầm từ bối cảnh trong nước và quốc tế, giai đoạn 1955-1975 được coi là thời kỳ hoàng kim của trà đạo khi số lượng người từng trải nghiệm trà đạo đạt đỉnh điểm khoảng 5.000.000 người (EGG 2018)¹. Số lượng

thành viên thực, bao gồm giáo viên và học viên khoảng 300.000 người. Trong đó, khoảng một nửa tổng số thành viên thuộc phái trà Urasenke (裏千家). Phái Urasenke từng đạt đỉnh điểm với khoảng 200.000 người cách nay 20-30 năm (Oita 2017: 42). Sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), Urasenke bắt đầu đẩy mạnh các hoạt động đại chúng hóa, quốc tế hóa trà đạo. Năm 1951, Sen Genshitsu (1923-2025) đã đến Hoa Kỳ, ông dành 10 tháng để dạy trà đạo ở Hawaii. Cùng năm, ông thành lập chi nhánh trà đầu tiên tại nước ngoài của phái Urasenke tại đây (Tổng cục Văn hóa Nhật Bản 2020: 24). Tính đến tháng 1 năm 2024, Urasenke có 113 văn phòng tại 38 quốc gia trên thế giới (Trang chủ của Urasenke

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội; email: thietbidechay02@gmail.com

¹ <https://worldsegg.com/teaceremony-japan/>.

2024)². Như vậy, vượt qua những khủng hoảng sau chiến tranh, trà đạo nói chung, trà phái Urasenke nói riêng đã tự khẳng định mình và vươn ra thế giới như một biểu tượng văn hóa của Nhật Bản. Những số liệu này là kết quả cho những nỗ lực của các phái trà nói chung, phái Urasenke nói riêng trong quá trình cận đại hóa trà đạo ở giai đoạn những năm 1868-1945.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy hiện nay số lượng người học trà đạo tại Nhật Bản đang giảm dần. Theo khảo sát của Tổng cục Văn hóa Nhật Bản năm 2020, số lượng người học trà từ năm 1996-2016 giảm 33% (từ 2.626.000 người xuống 1.761.000 người) (2020: 13-19). Vậy đâu là nguyên do khiến số lượng người học trà giảm đi như vậy? Để trả lời cho thắc mắc đó, tác giả bài viết đã thực hiện khảo sát với đối tượng là thanh niên Nhật từ 15-39 tuổi³. Kết quả cho thấy, trong 50 thanh niên thực hiện khảo sát, 36 người đã từng trải nghiệm ít nhất một lần, 13 người học trà như một môn học ngoại khóa. Trong đó, lý do lượng người học giảm đi có thể chia thành ba yếu tố chính: vấn đề tài chính (chi phí học, chi phí đi lại, chi phí cho việc mua trà cụ), vấn đề xã hội (bận rộn với công việc, vấn đề nội trợ, môi trường khó tiếp cận) và cuối cùng là ấn tượng về trà đạo (nghĩ lễ cứng nhắc, khó thực hiện, nhiều quy luật, yêu cầu tỉ mỉ, phải ngồi quỳ trong thời gian dài) (Nguyễn Thị Thúy Ngân 2023: 27-37). Mặt khác, với tình trạng già hóa dân số tại Nhật Bản như hiện nay, việc định hướng lại đối tượng người học trong nước và quốc tế là điều cần thiết. Cùng với

đó, qua bốn năm thực hành trà đạo Urasenke ở cả Việt Nam lẫn Nhật Bản, sau khi được trải nghiệm các nghi thức được cải cách và hiểu về hiện trạng hiện nay, tác giả cho rằng, chính trong hoàn cảnh này, “ôn cố tri tân” là hành động cần thiết. Việc tìm hiểu, xem xét những bài học của quá khứ sẽ góp phần đưa ra những gợi ý, giải pháp phù hợp cho hiện tại và tương lai.

Vì vậy, bài nghiên cứu sẽ tập trung phân tích vai trò của Urasenke trong quá trình cận đại hóa trà đạo trong giai đoạn 1868-1945. Trong đó, khái niệm “cận đại hóa” ở đây không chỉ đề cập đến sự thay đổi về nghi thức hay kỹ thuật pha trà, mà là quá trình thích ứng của phái trà Urasenke với một xã hội Nhật Bản đang cận đại hóa toàn diện. Quá trình này bao gồm sự thể chế hóa, phổ biến hóa và tái định nghĩa trà đạo như một biểu tượng văn hóa quốc gia. Cụ thể, với việc áp dụng các phương pháp so sánh - đối chiếu tài liệu, nghiên cứu liên ngành (kết hợp phương pháp sử học và xã hội học), phương pháp lập bảng biểu, sơ đồ hóa, v.v. tác giả sẽ đi sâu lý giải những động lực và bối cảnh thúc đẩy trà đạo bước vào quá trình cận đại hóa và quốc tế hóa, làm rõ chiến lược và tư duy cận đại hóa - quốc tế hóa của phái Urasenke so với các phái khác. Đồng thời, bài viết cũng sẽ chỉ ra những ý nghĩa và gợi mở từ tư duy hiện đại hóa của Urasenke đối với bối cảnh hiện nay.

2. Khái quát về trà đạo và Urasenke

2.1. Trà đạo Nhật Bản

2.1.1. Khái niệm

Trà trong tiếng Nhật được phiên âm là cha hay sa (茶). Thuật ngữ trà đạo còn được gọi là sado hay chado hoặc chanoyu. Bậc thầy về trà đạo Sen no Rikyu (1522-1591) từng đưa ra suy ngẫm về trà qua câu: “Chanoyu không gì hơn là nấu nước, pha và

² <https://www.urasenke.or.jp/textc/tan/kyokai>.

³ Khảo sát được thực hiện tại Nhật Bản từ 20/3/2024-10/6/2024 với hai nhóm đối tượng chính là thanh niên Nhật từng có trải nghiệm học trà (50 người) và người dạy trà (11 người). Bài khảo sát được thực hiện online trên nền tảng Google forms. Kết quả được phân tích, tổng kết dựa trên Phương pháp KJ (phương pháp nhóm các ý tưởng, vấn đề một cách có hệ thống để xác định mối quan hệ giữa các yếu tố, từ đó đưa ra kết luận hoặc giải quyết vấn đề một cách hiệu quả).

uống trà” (Okakura 1906: 8). Rikyu xem trà đạo như con đường để tu dưỡng tinh thần thông qua sự đơn giản và tĩnh lặng qua từng động tác pha trà. Trà đạo thông qua các nghi thức để thể hiện tinh thần hiếu khách từ việc mời một bát trà với đủ độ ấm, lượng trà phù hợp với khẩu vị từng người. Bởi vậy, việc thực hiện nghi lễ một cách tự nhiên, thuần thực đòi hỏi cá nhân phải rèn luyện thường xuyên, tự ngẫm nghĩ về chính mình.

Kế tiếp những nghiên cứu về trà, Okakura Tenshin (1862-1913) trong “Trà thư” (1906)⁴ cho rằng “Trà đạo là nghệ thuật tìm kiếm và tôn vinh cái đẹp trong những điều bình dị của cuộc sống thường nhật” (1906: 50). Trong khi đó Kumakura Isao (1943-2023) bàn về trà đạo như một loại hình nghệ thuật trình diễn. Ông cho rằng trà đạo bao gồm nhiều yếu tố như sau: ① Trang bị, gồm trang phục và dụng cụ, ② Địa điểm, gồm trà thất và trà viên, ③ Quy trình (thao tác), gồm nghi thức pha trà và lễ nghĩa, ④ Tư tưởng, triết lý, gồm yếu tố tinh thần như Wabi và Sabi⁵. Kumakura nhấn mạnh quan điểm trà đạo không chỉ đơn thuần là việc pha và uống trà mà còn là một tổng thể văn hóa với các yếu tố thẩm mỹ, nghi lễ, triết lý sống đậm chất Nhật Bản (1990: 98). Đây là cách nhìn khá toàn diện khi nhắc đến trà đạo.

Như vậy, trà đạo bao gồm bốn yếu tố chính: matcha, trà thất, trà cụ, phương thức pha và uống trà. Mặt khác, nếu coi trà đạo là một quy trình hoạt động thì trà đạo cũng gồm bốn yếu tố: phương tiện hoạt động-matcha và trà cụ; chủ thể và khách thể của

hoạt động-chủ trà và khách, nội dung hoạt động-nghi lễ pha và uống, sản phẩm-tinh thần thanh tịnh. Những yếu tố trên làm nên tính toàn diện, tính đa dạng, tính sâu rộng trong trà đạo. Trong bài viết này, tác giả sử dụng thuật ngữ trà đạo nói chung để tìm hiểu, nghiên cứu về vai trò của phái Urasenke trong quá trình cận đại hóa trà đạo giai đoạn 1868-1945.

2.1.2. Lịch sử trà ở Nhật Bản

Nhật Bản đã có sự giao lưu và tiếp nhận nhiều ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa từ thời kỳ nguyên thủy và cổ đại nên biết đến trà qua từng giai đoạn phát triển nơi đây⁶. Lịch sử trà ở Nhật Bản có thể chia thành ba giai đoạn chính gồm: ① Giai đoạn du nhập trà vào Nhật Bản, từ thời Nara (710-974) đến thời Heian (794-1185), ② Giai đoạn hình thành nghi lễ trà, từ thời Kamakura (1185-1333) đến thời Muromachi (1333-1568), ③ Giai đoạn phát triển nghi lễ trà, từ thời Azuchi Momoyama (1573-1603) đến nay⁷. Từ thời Nara, trà được các sứ thần, các vị sư tăng và du học sinh được phái cử sang Trung Quốc mang về nước và phổ biến rộng rãi như thức uống dành cho giới quý tộc và sư tăng cao cấp. Năm 802, thiền sư Saicho (767-822) đã mang từ Trung Quốc về những hạt giống đầu tiên và cho trồng tại núi Hiei (nay thuộc Kyoto) (Sen và cộng sự 2004: 96-98). Trong giai đoạn đầu, do kỹ thuật trồng chưa phát triển nên phong tục uống trà dần suy yếu.

Đến thời Kamakura, Thiền sư Eisai (1141-1215) đã có nhiều hoạt động nhằm

⁴ Tác phẩm được xem là “Trà kinh” của Nhật Bản. Đây được coi là cuốn sách gối đầu giường cho những người muốn nhập môn trà đạo Nhật Bản một cách sâu sắc.

⁵ Wabi chỉ trạng thái đơn giản, không phức tạp, không hoàn thiện, không cầu kỳ hay giả tạo, là nguyên lý cho rằng cái đẹp cao nhất nằm trong vẻ đơn sơ, thanh tịnh. Sabi chỉ cái đẹp của sự nhân tịch, của linh hồn tịch liêu, sự rung cảm tinh tế trong trạng thái tĩnh mịch sâu xa của sự vật.

Cảm thức wabi, sabi là tư tưởng tôn trọng sự thật bằng cách nhìn nhận vẻ đẹp của sự không hoàn hảo, cái vốn có của tự nhiên, chấp nhận vòng quay tạo hóa của sự sống.

⁶ Tại Trung Quốc, cách thưởng trà phát triển qua ba giai đoạn chính: ① dancha (trà bánh, lá trà được nghiền nhỏ, đóng thành miếng, lúc pha thì gỡ ra, cho vào ấm đun lên) thời Đường (618-906), ② matcha (mạt trà, lá trà được nghiền nhỏ, lúc pha thì cho matcha vào bát, rót nước nóng, dùng cây khuấy đánh tan bột) thời Tống (960-1279), ③ sencha (trà xanh, búp trà được sấy khô, khi pha thì cho nước nóng vào hãm) thời Minh (1368-1644) (Kuwata 1967: 11).

⁷ Tác giả phân chia giai đoạn dựa trên các tài liệu tham khảo (Sen và cộng sự 2004: 96-124).

giới thiệu, phổ biến vai trò của việc uống trà trên khắp cả nước. Năm 1191, sau bốn năm học về Thiền tông Nam phương (một trường phái thuộc Phật giáo) tại Trung Quốc, ông mang theo hạt giống trà cũng như cách thưởng matchaho (phương pháp mặt trà)⁸ lúc bấy giờ về nước (Sen và cộng sự 2004: 99). Sự xuất hiện của matcha tạo tiền đề cho nghệ thuật trà đạo phát triển. Cùng lúc đó, ông viết cuốn *Khiết trà dưỡng sinh ký* (1214) nhằm giới thiệu về tên gọi, nguồn gốc, cách trồng, và công dụng dược lý của trà. Nhờ đó, trà dần trở nên phổ biến, vượt ra phạm vi thiền viện và lan rộng không giới hạn trên lãnh thổ Nhật Bản. Trong thời Muromachi, trà tiếp tục được xem là mặt hàng xa xỉ, việc thưởng trà mang tính giải trí rõ hơn. Từ nhu cầu giải trí tinh thần, nghệ thuật thưởng trà với tên gọi Tocha (Đầu trà) hay Chayoriai (tụ tập thưởng trà) đã ra đời. Tocha lúc bấy giờ tại Nhật Bản chỉ áp dụng với matcha, người tham gia được uống nhiều loại trà, họ phân biệt trà Honcha từ Toga no O (nay thuộc Kyoto) hay Hicha được sản xuất từ vùng khác⁹ (Tani 2007: 33-37). Cùng với việc thưởng trà, người tham gia lúc bấy giờ rất chuộng và ưa sử dụng các dụng cụ đắt tiền từ Trung Quốc gọi là Karamono (đồ Trung Quốc)¹⁰.

Thoát khỏi bầu không khí xa hoa, phù phiếm của Tocha, thiền sư Murata Juko (1423-1502) là người tiên phong trong việc tạo ra nghi thức trà đơn giản, yên tĩnh, phù hợp với tinh thần Thiền. Phong cách trà của ông thể hiện rõ qua ba điểm khác biệt: ① trà của Juko được tổ chức trong không gian nhỏ gọi là kakoi, gồm bốn chiếu

ruồi¹¹; ② nghi lễ trà sử dụng các tana (kệ, giá) giống với các daisu (kệ đựng các trà cụ khi thực hiện nghi lễ ngày nay); ③ chủ ý chuyển từ các dụng cụ xa hoa như Karamono sang sử dụng đồ gốm Bizen và Shigaraki do Nhật Bản sản xuất gọi là Wamono (đồ Nhật Bản) (Sen và cộng sự 2004: 102-105). Juko chú trọng kết hợp trà với tinh thần Thiền, tính dân gian với vẻ quý tộc, đề cao sự mộc mạc, tự nhiên của trà cụ, tinh thần wabi sabi, đối ngược với vẻ hoàn mỹ trong phong cách trà của Nhật Bản và Trung Hoa lúc bấy giờ.

Đóng góp của ông đã làm cầu nối cho ý thức thẩm mỹ gọi là Wabicha do Takeno Joo (1502-1555) sau này kế thừa và phát triển thêm. Là học trò của Juko, Takenoko chú trọng vào tính giản dị của trà cụ và tinh thần thanh tịnh khi thực hiện nghi lễ. Trà sư tìm cách làm rõ đặc trưng cơ bản của wabi thông qua nhấn mạnh vẻ đẹp thô sơ, mộc mạc của gỗ thô, bức tường không sơn. Ông thu nhỏ trà thất chỉ còn một phần hai chiếu tatami. Những dụng cụ hào nhoáng, Karamono dần bị thay thế bởi những vật dụng làm bằng gốm Nhật đơn thuần, hình dáng, màu sắc được đơn giản hóa và có thể sử dụng một cách linh hoạt. Kiểu thưởng trà của ông được gọi là Wabisuki (những người thích uống trà theo kiểu đạm bạc) (Tanaka 1993: 203).

Người tiếp thu tinh thần wabicha của Takeno Joo và hoàn thiện nghi lễ trà đạo là Sen no Rikyu. Ông từng là trà sư của Oda Nobunaga (1534-1582) và Toyotomi Hideyoshi (1536-1598). Lúc bấy giờ, trà đạo được phổ biến rộng rãi, tiệc trà đóng vai trò quan trọng, vừa là nơi để các lãnh chúa bàn về chính trị, vừa là nơi để họ có dịp phô bày sự giàu có của mình (Sen và cộng sự 2004: 110). Trái ngược với quan điểm về việc nghi

⁸ Matchaho (phương pháp mặt trà) là phương pháp thưởng bằng cách cho matcha vào bát Tenmoku, rót nước nóng và dùng chasen (cây khuấy trà) để khuấy tan tạo bọt.

⁹ Honcha (trà chính gốc), phân biệt với Hicha (loại trà có chất lượng kém hơn ở các khu vực khác).

¹⁰ Trong thời Muromachi, các sản phẩm từ các triều Đường, Tống và Nguyên như tranh, đồ dệt may và trà cụ được đưa về Nhật Bản, được gọi chung là Karamono.

¹¹ Chiếu tatami được làm từ cỏ và vải, kích thước phổ biến 910mm x 1.820mm (tương đương 1,8m x 0,9m).

lễ trà phải thật phô trương của Hideyoshi¹², Rikyu chú trọng đến tinh thần wabi sabi, tập trung vào những trà cụ mộc mạc, giản dị. Ông thực hiện các nghi lễ với mục đích đạt đến sự thanh thản trong tâm hồn, sự thông dung với vạn vật. Ông thay thế các trà cụ quý hiếm đắt tiền bằng những bát, lọ đất bình dân để người dân có thể dễ tiếp cận với trà đạo. Trà sư phát triển các dụng cụ khác như Tsurube mizusashi (hộp gỗ đựng nước sạch có hai ngăn), Take hanaire (bình đựng hoa được làm từ tre), Raku chawan (bát trà Raku), những ý tưởng đó ngày nay được kế thừa, gọi là Rikyu konomi (vật ưa thích của Rikyu). Bên cạnh đó, ông thu hẹp trà thất xuống khoảng hai chiếu tatami với tên gọi Taian (nay thuộc Kyoto) (Tổng cục Văn hóa Nhật Bản 2020: 4). Thông qua đặt ra quy định về triết lý Wa-Kei-Sei-Jaku (Hòa-Kính-Thanh-Tịch)¹³ và xây dựng các chuẩn mực cơ bản với tên gọi Rikyu shichi soku (bảy chuẩn tắc Rikyu)¹⁴, nghi lễ trà chính thức được hoàn thiện.

2.2. Phái trà Urasenke

Sau khi Rikyu mất, cháu trai ông là Genpaku Sotan (1578-1658) kế thừa phái trà Senke từ ông mình và tiếp tục phát triển thẩm mỹ wabicha. Đến đời thứ 3, các con trai của Sotan bắt đầu tách ra và thành lập phái trà của riêng mình, mở đầu cho sự hình thành của San senke (3 phái trà họ Sen). Con trai thứ của ông, Ichio Soshu (1593-1675) trở thành trà sư phiên Shanshu

Takamatsu, ông cho xây dựng trà thất Kankyuan (thuộc Kyoto), hình thành phái trà Mushakojisenke. Phái trà này đặc trưng bởi các nghi lễ trà với những vận động đơn giản, hợp lý, là phái có ít người học nhất trong 3 phái. Kế tiếp Mushakojisenke, con trai thứ 3 là Koshin Sosa (1613-1672) thừa hưởng trà thất Fushinan, trở thành trưởng môn thứ 4 của Omotesenke. Phái trà này tuân thủ các nghi lễ cổ điển, đề cao tính truyền thống đồng thời hướng đến tính giản lược, hiệu quả trong các nghi lễ trà. Con trai út là Senso Soshitsu (1622-1697) thừa hưởng trà thất Konnichian, trở thành trưởng môn thứ 4 của Urasenke¹⁵ (Sen và cộng sự 2004: 115-117). Phái trà này có lượng người học đông nhất trong 3 phái trà, phái tích cực phát triển các hoạt động cận đại hóa, quốc tế hóa trà đạo. Từ khi thành lập đến nay, phái trà Urasenke đã trải qua 16 đời trưởng môn¹⁶, mỗi đời đều có những đóng góp khác nhau cho sự phát triển chung của phái.

¹² Hideyoshi từng ra lệnh cho Rikyu xây dựng trà thất và trà cụ bằng vàng. Hiện nay được trưng bày tại Bảo tàng Mỹ thuật MOA (MOA美術館Atami).

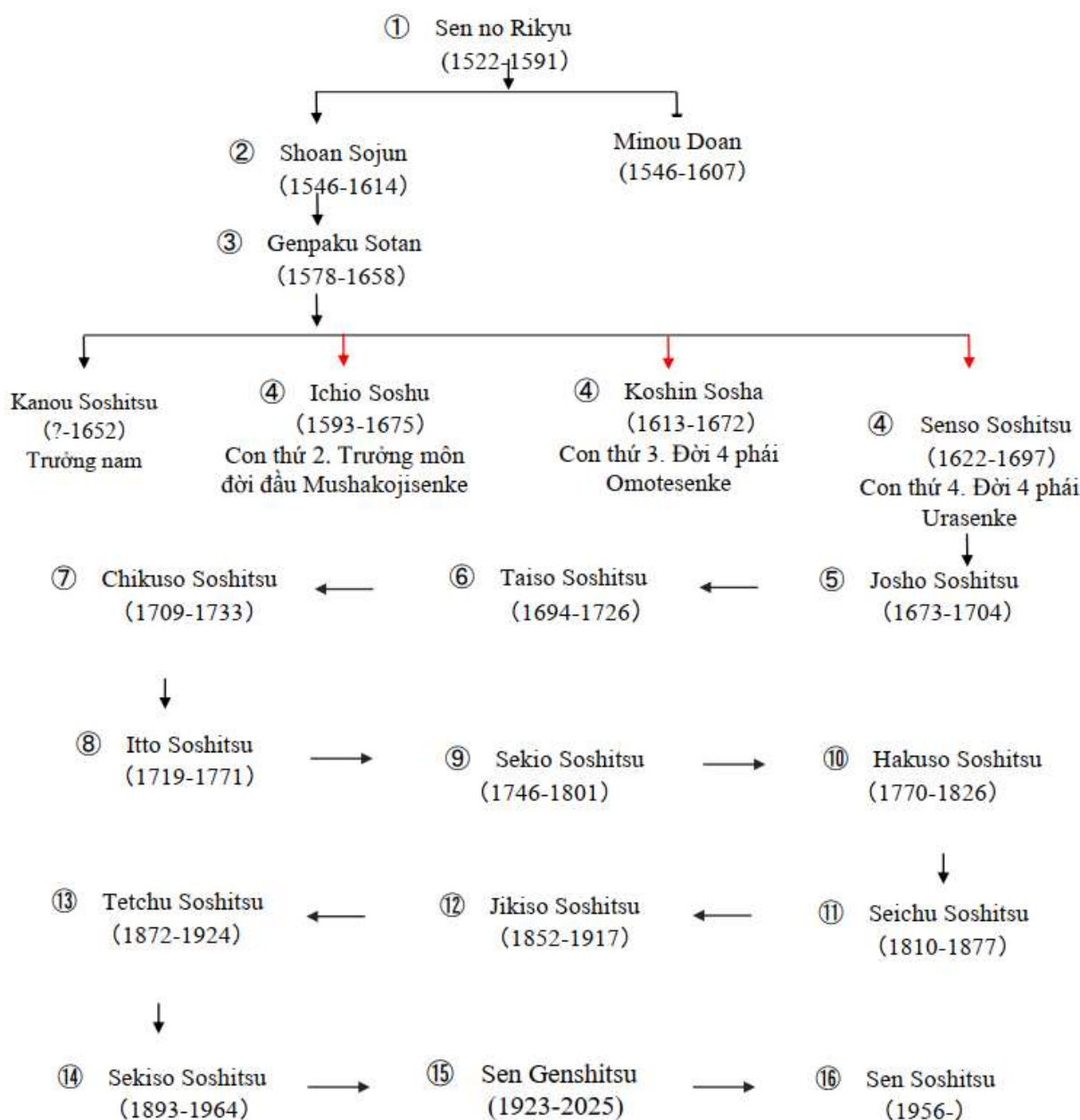
¹³ Hòa (hòa đồng, hòa điệu, hòa nhã), Kính (kính trọng giữa người với người, người với vạn vật), Thanh (thanh sạch, trong sạch), Tịch (tĩnh lặng, vắng lặng).

¹⁴ Bảy chuẩn mực là những lời dạy về công việc chuẩn bị, việc tiến hành nghi lễ trà, lý tưởng trong nghệ thuật thưởng trà, cách chủ trà và khách giao tiếp với nhau, bao gồm: ① Trà pha đủ uống, ② Than đốt đủ sôi, ③ Hoa nơi đồng nội, ④ Hạ mắt đông ẩm, ⑤ Đến trước thời hạn, ⑥ Ở thời mang theo, ⑦ Tâm thành chia sẻ.

¹⁵ Tên của ba phái được đặt dựa trên địa điểm trà thất của mỗi nhà. Trà thất Konichian được đặt ở mặt sau (ura) nên gọi là Urasenke, Fushinan được đặt ở mặt trước (omote) nên gọi là Omotesenke, Kankyuan được đặt ở phố Mushakoji nên gọi là Mushakojisenke.

¹⁶ Trưởng môn là người đại diện cho một gia tộc kế thừa các bộ môn nghệ thuật truyền thống như kịch Noh, hương đạo, trà đạo, hoa đạo, v.v.. Thuật ngữ bắt đầu từ thời Muromachi, trở nên phổ biến trong thời Edo (Nhật Bản Quốc ngữ đại từ điển 1972: 814).

Hình 1: Sơ đồ các môn phái trà họ Sen và trường môn phái của Urasenke



(Nguồn: Tác giả lập dựa trên tài liệu tham khảo Sen và cộng sự 2004: 339)

Như vậy, theo dòng chảy của thời gian và sự thay đổi của thời đại, nghi lễ trà dần được hoàn chỉnh từ Matchaho đơn giản thời Kamakura đến Tocha thời Muromachi, từ Wabicha đến Chanoyu và cuối cùng là trà đạo như hiện nay. Trong dòng chảy của nghi lễ trà, không thể không kể đến vai trò của các trà sư như Murata Juko, Takeno Joo, Sen no Rikyu, v.v.. Các trà sư đã xây dựng, phát triển tinh thần wabi sabi trong trà đạo,

đặc biệt đề cao tinh thần tu dưỡng trong quá trình thực hiện. Tiếp nối Rikyu, các thế hệ dòng họ Sen đã xây dựng 3 phái trà trên cơ sở tiếp thu, phát triển triết lý của ông đồng thời định hình các nghi lễ cho từng phái. Đặc biệt, phái Urasenke đến nay đã có nhiều thay đổi nhằm phù hợp với bối cảnh chung hướng đến quốc tế hóa trà đạo. Trong phần tiếp theo, tác giả xin đi sâu vào hoạt động của các trường môn từ đời 11 đến đời thứ 15 nhằm làm rõ vai

trò của Urasenke trong quá trình cận đại hóa trà đạo giai đoạn 1868-1945.

3. Các trà sư Urasenke đóng góp vào cải cách cận đại hóa trà đạo

3.1. Đóng góp của các trà sư Urasenke giai đoạn 1868-1912

Trong những năm đầu thời Meiji (1868-1912), Nhật Bản bị cuốn vào vòng xoáy “cận đại hóa” theo phương Tây, khẩu hiệu “học hỏi Tây phương, bắt kịp Tây phương, vượt qua Tây phương”, được người dân nhiệt tình hưởng ứng. Với cải cách Duy Tân Minh Trị, những thay đổi xuất hiện khá rõ rệt trong đời sống người Nhật. Năm 1869, Nhật Bản khánh thành hệ thống điện tín Tokyo-Yokohama, đầu máy hơi nước đầu tiên bắt đầu chạy vào năm 1872 từ Shinbashi đến Yokohama, đường điện thoại giữa Tokyo và Yokohama được đưa vào sử dụng từ năm 1876. Kiểu búi tóc phương Tây thay thế cho búi tóc truyền thống của nam giới, mũ nồi, cổ cao, váy xếp ly trở thành xu hướng thời trang chính (Nguyễn Quốc Hùng 2007: 253). Tuy nhiên các giá trị truyền thống như kịch Noh, Kabuki, nghề thủ công truyền thống và cả trà đạo bị coi là những giá trị lỗi thời. Mặt khác, vốn đã thích ứng với hệ thống Mạc phủ, các gia tộc từng phục vụ trà cho lãnh chúa phong kiến dần mất đi vị thế và thu nhập, rơi vào tình trạng khó khăn. Đặc biệt, chính phủ chỉ công nhận, cho phép phạm vi hoạt động của gia tộc họ Sen ở mức độ “Giấy phép nghệ thuật”, coi họ là những người kiếm tiền bằng nghề giải trí rong. Trong hoàn cảnh hiểm nghèo này, Gengensai (1810-1877, đời thứ 11) đã nộp lên Văn phòng phủ Kyoto bản báo cáo với tiêu đề “Nguyên ý của trà đạo” (1872). Về cơ bản, nội dung của văn bản nhằm làm rõ chủ trương rằng trà đạo không phải là môn giải trí vô ích mà dựa trên nền tảng tu dưỡng đạo đức, tinh thần, việc luyện tập giúp ích

cho từng cá nhân và toàn xã hội. Hơn nữa, việc phát triển hệ thống trường môn kết hợp với việc quản lý chặt chẽ từ trên xuống giúp tạo nên nền tảng kinh tế vững chắc.

Vốn cởi mở với những giá trị tân tiến, Urasenke đã kịp thời đề xuất nghi lễ Ryurei nhằm phù hợp với bối cảnh Tây hóa lúc này. Đây là một nghi lễ chưa từng có, lần đầu được ra mắt trong dòng sự kiện của Hội chợ Triển lãm Kyoto lần thứ nhất (1872). Về chi tiết, vì muốn người nước ngoài cùng thưởng thức văn hóa trà đạo, tỉnh trưởng Kyoto đã thảo luận với người chủ trì buổi trà đạo là Maeda Zuisetsu (1833-1914) để thầy Gyotei¹⁷ của phái Urasenke phụ trách nghi lễ trà đạo. Khi Maeda tham khảo ý kiến của Gengensai, ông đã đề xuất sử dụng tenchaban (bàn đánh trà)¹⁸ làm kệ pha, chủ trà ngồi ghé để thực hiện toàn bộ quá trình thay vì cách pha trà truyền thống là ngồi kiểu seiza (chính tọa)¹⁹ trên chiếu tatami (Naya 2020: 43). Bên cạnh đó, một điểm mới đáng đề cập đến là việc nghi lễ được tổ chức ở bên ngoài phạm vi trà thất, có thể điều chỉnh linh hoạt về số lượng khách tham gia; thời gian, địa điểm tổ chức.

¹⁷ Gyotei là từ dùng để chỉ những người đệ tử học việc của phái Urasenke, họ đảm nhận công việc phục vụ chủ gia đình trường môn, thực hiện các công việc từ mizuya đến đào tạo các thế hệ giáo viên trà đạo. Từ trước đến nay, do sự khắc nghiệt trong quá trình đào tạo, Gyotei nam chiếm số lượng lớn.

¹⁸ Tenchaban là loại bàn đầu tiên được sử dụng trong nghi lễ Ryurei nói chung. Vì vậy, khi nghi lễ sử dụng loại bàn này để thực hiện thì có thể gọi là Tenchaban hoặc Ryurei.

¹⁹ Cách ngồi truyền thống trong văn hóa Nhật Bản. Kiểu ngồi này được sử dụng trong những sự kiện và hoạt động truyền thống mang tính chất trang trọng như Trà đạo, Hoa đạo, Thư pháp, v.v.. Về cách ngồi, đầu tiên sẽ quỳ gối xuống tatami, kéo thẳng bàn chân, giữ gót chân ở dưới phần mông, hai ngón chân cái chồng lên nhau. Hai tay đặt lên trên đầu gối hoặc trên đùi, luôn giữ lưng thẳng để có dáng ngồi nghiêm túc.

Hình 2: Toàn cảnh Ryurei

(Nguồn: Naya 2020: 8)

Sau khi Gengensai mất, Yumyosai (1852-1917, đời thứ 12) đảm nhận vị trí trưởng môn và tiếp tục có các hoạt động củng cố, phát triển phái trong bối cảnh có nhiều thay đổi thời Meiji. Ở tuổi 34, ông trao lại quyền lãnh đạo cho con trai cả là Ennosai (1872-1924, đời thứ 13). Ennosai có nhiều hoạt động phổ cập trà đạo thông qua kết hợp giáo dục học đường và xuất bản sách, tạp chí hàng tháng về Urasenke. Ngày 19/10/1908, ông cho phát hành tạp chí đầu tiên về trà đạo với tựa “Báo cáo tháng của Konnichian”. Bên cạnh đó, Ennosai tiến hành tổ chức các buổi tập huấn nhằm đào tạo sâu rộng hệ thống giáo viên dạy trà. Ông được ghi nhận là người đã sáng tạo ra nghi lễ Sanyu shiki, phục hồi Nagashi date, Bonryaku temae, v.v. (Sen và cộng sự 2004: 342-352). Đặc biệt, Koicha kakufuku date được xem là nghi lễ thể hiện rõ tính thời đại và tính cập nhật của phái Urasenke. Koicha kakufuku date là nghi lễ trong đó mỗi khách

được mời một bát koicha riêng. Từ xưa, Koicha²⁰ thường được dùng trong các nghi lễ tổ chức vào mùa đông trong không gian trà thất ấm cúng, khoảng 3-5 khách dùng chung một bát chawan²¹. Để đảm bảo an toàn vệ sinh, mỗi vị khách khi uống xong phần của mình sẽ gấp khăn lau sạch miệng bát trước khi chuyển cho người bên cạnh.

²⁰ Trong trà đạo, matcha được chia thành hai loại là Usucha (Trà nhạt) và Koicha (Trà đậm). Lượng matcha sử dụng trong từng nghi lễ khác nhau với hai loại trên. Usucha dùng 2 thìa tre chashaku (khoảng 2g), Koicha dùng từ 3-5 thìa chashaku (4g, phần của một người) hoặc hơn tùy vào số lượng người tham gia nghi lễ. Lượng nước nóng dùng cho Koicha (khoảng 40cc) ít hơn so với Usucha (khoảng 60cc). Khi đánh Usucha sẽ dùng động từ tateru (đánh bông tạo nhiều bọt), còn Koicha sẽ dùng từ neru (khuấy cho trà tan đến khi sền sệt, không tạo bọt). Dưới đây, tác giả dùng động từ “đánh” với Usucha, “khuấy” với Koicha.

²¹ Nghi lễ Koicha truyền thống được tổ chức trong không gian nhỏ với 5 vị khách trở xuống. Khác với Usucha mỗi người được dùng một bát trà chawan riêng; trong Koicha, các vị khách uống cùng một bát trà, xoay theo thứ tự từ khách chính đến vị khách cuối cùng.

Trà sư Rikyu là người đã bắt đầu cho ý tưởng này. Trong thời Chiến quốc, ông đặt ra quy định này với hi vọng dù là tướng quân hay bất kể giai cấp nào, nhờ việc uống chung bát trà sẽ làm tăng sự tin tưởng, tính mật thiết, ý thức đoàn kết cũng như xóa bỏ đi sự phân biệt giai cấp (Sen 2016: 29).

Tuy nhiên, bước vào thời Meiji, vấn đề uống chung bát dấy lên nhiều dị nghị khi ý thức về khoảng cách, vệ sinh cá nhân ngày càng được nâng cao. Trong một buổi trà khó tránh khỏi những vị khách lớn tuổi hay người đang mắc bệnh, việc uống chung bát dẫn đến các vấn đề về lây nhiễm. Không chỉ

người nước ngoài mà cả người Nhật tham gia nghi lễ trở nên bất an khi uống chung bát với các vị khách mình không rõ. Trước tình thế đó, vào năm 1911, Ennosai đã đề xuất nghi lễ Koicha kakufuku date (Sen 1963: 128). Nghi lễ được tiến hành trong trà thất 8 chiếu với 5 vị khách. Khác với lễ Ryurei bị giới hạn sử dụng trong mùa furo, Koicha về quy định được sử dụng trong cả hai mùa (furo và ro)²². Trong nghi lễ, sau khi khách chính uống bát trà đầu tiên, chủ trà tiến hành pha trà đồng thời cho bốn khách còn lại trên một khay dài chứa bốn bát chawan.

Hình 3: Khung cảnh thực hiện Koicha kakufuku date



(Nguồn: Bài giảng online Koicha kakufuku date)²³

3.2. Đóng góp của các trà sư Urasenke giai đoạn 1912-1945

Giai đoạn 1912-1945 là thời kỳ quan trọng đánh dấu sự chuyển đổi mạnh mẽ

²² Cảm quan về mùa là yếu tố quan trọng trong trà đạo. Các nghi lễ trà được tiến hành qua hai mùa chính, sử dụng lò nồi furo (từ tháng 5-10, lò lửa ở xa khách tạo nên cảm giác mát mẻ), lò chím ro (từ tháng 11-4, lò lửa ở gần khách, tạo cảm giác ấm cúng).

²³ Trang chủ Urasenke. Truy cập ngày 15 tháng 02 năm 2025. <https://www.urasenke.or.jp/textb/kakuhuku02>.

trong nghệ thuật truyền thống Nhật Bản nói chung, trà đạo nói riêng. Thứ nhất, do chiến tranh và tình hình kinh tế khó khăn, các trà nhân phải thích ứng với sự thiếu hụt nguyên liệu và không gian tổ chức nghi lễ. Mặt khác, các yếu tố đó góp phần tạo nên nguồn cảm hứng để sáng tạo ra các nghi lễ mang tính đơn giản, linh hoạt hơn. Thứ hai, trà đạo trở thành nguồn an ủi tinh thần trong chiến tranh. Trong bối cảnh mất mát thời chiến, nhiều người tìm đến các nghi lễ trà như một phương thức xoa dịu tâm hồn. Tuy nhiên, do

giáo dục và tuyên truyền tập trung vào lòng trung thành với Thiên hoàng và đất nước nên trà đạo bị lợi dụng như một phương tiện để thể hiện tinh thần yêu nước và tinh thần dân tộc. Bởi vậy, trong thời hậu chiến, cùng với các môn học truyền thống như Kiếm đạo, Nhu đạo, Hoa đạo, Trà đạo bị coi là biểu tượng của chủ nghĩa quốc gia cực đoan, gặp nhiều khó khăn trong việc phục hồi lại và tạo nên cái nhìn tích cực. Bên cạnh đó, bởi ảnh hưởng của chiến tranh, số lượng nam giới học trà giảm mạnh, số lượng nữ giới học trà như một bộ môn rèn luyện lễ nghi trước khi kết hôn tăng nhanh.

Từ bối cảnh hậu chiến, các nhà Senke, đặc biệt là phái Urasenke đã có nhiều hoạt động thực tế nhằm đặt nền móng cho quá trình cận đại hóa, quốc tế hóa trà đạo. Trong bối cảnh thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần sau chiến tranh, các trường môn đã đi phổ biến trà đạo trên cả nước với tâm niệm rằng chỉ cần có khay trà và những dụng cụ đơn giản nhất cũng có thể thưởng thức trà. Xuất phát từ mong muốn đó, vào năm 1914, trường môn lúc bấy giờ là Ennosai đã đề xuất nghi lễ Bonryaku temae. Bonryaku chỉ obon (khay) dùng để đặt các trà cụ cần thiết khi pha trà. Boryaku temae chỉ nghi thức pha trà khi sử dụng Yamamichi obon. Hình thức này dành cho những người đã thành thạo warigeiko²⁴ cơ bản. Nghi thức được thực hiện trong khoảng thời gian từ 10-15 phút. Bonryaku temae không yêu cầu phải có lò ro hay ấm kama (ấm đun nước nóng), chỉ cần có nước nóng, khay obon cùng natsume (hộp đựng usucha), chawan (bát), chasen (cây khuấy), kensui (chậu đựng nước thừa) đã đủ để pha trà ở một số địa điểm ngoài trà thất như phòng khách, văn phòng, trường học hay bất cứ đâu có bàn ghế (Sen

1966: 226). Đây là bài tập nhập môn đối với những người học trà hiện nay trên thế giới nói chung, Nhật Bản nói riêng. Bởi tính linh hoạt và gọn nhẹ, nghi thức này nhanh chóng được phổ biến rộng rãi, đặc biệt tại các trường học dành cho nữ sinh.

Hình 4: Tác giả thực hiện Bonryaku temae



(Nguồn: Câu lạc bộ Trà đạo Urasenke USSH 2023)

Sau chiến tranh Thái Bình Dương (12/1941-9/1945), Mugensai (1893-1964, đời thứ 14) tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nhằm phổ biến trà đạo trong trường học. Ngoài ra, ông tổ chức dâng trà cho các đền chùa trên khắp cả nước, song song với hoạt động phổ biến trà ra nước ngoài. Mugensai thành lập Urasenke Tankokai (năm 1945), dựa trên nền tảng trường môn để tổ chức hóa phái Urasenke. Theo đó, Tankokai tập hợp các nhóm trà thuộc phái trên khắp đất nước. Tankokai tuân thủ chính sách hướng dẫn của trường môn, thống nhất các quy tắc cơ bản từ giấy chứng nhận, quy tắc cơ bản của nghi lễ, tiến hành các nghiên cứu khác nhau về văn hóa trà đạo, nỗ lực hợp tác và

²⁴ Các bước nhập môn trong trà đạo như cách cúi chào, cách sử dụng, dọn dẹp trà cụ, cách gấp khăn fukusa (khăn dùng để lau dụng cụ), chakin (khăn trắng dùng để lau bát trà chawan), chasentoshi (bước tráng cây khuấy trà chasen), v.v..

cố gắng nâng cao chất lượng trà đạo Nhật Bản. Đến năm 1952, Tankokai được Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chính thức công nhận là một tổ chức pháp nhân. Hiện nay tổ chức gồm 165 chi nhánh, 2 văn phòng chính tại 17 huyện trên toàn quốc (Trang chủ Urasenke 2025)²⁵. Bên cạnh đặt ra các chính sách, Mugensai tích cực đề ra các nghi lễ mới, đặc biệt là Wakei chabako và Shikishi chabako, tạo nên 6 nghi thức của Chabako như hiện nay.

Hình 5: Tác giả thực hiện Wakei chabako



(Nguồn: CLB Trà đạo Urasenke USSH 2025)

Nổi tiếp Mugensai, với những trải nghiệm thực tế từ chiến tranh, Hounsai (1923-2025, đời thứ 15) thể hiện khao khát hòa bình thế giới qua nhiều công hiến tích cực về trà đạo. Năm 1951, ông đến thăm Hoa Kỳ lần đầu tiên với tư cách là đặc phái viên văn hóa Nhật Bản. Từ năm 1973, ông đi với triết lý “Từ một bát trà đưa hòa bình

đến toàn thế giới”. Đến nay, ông đã đến và thăm 62 nước khoảng 300 lần để phổ biến nghệ thuật trà đạo và dâng trà để cầu nguyện hòa bình. Năm 1977, ông nhận được Huân chương văn hóa và nhượng lại danh hiệu trưởng môn phái cho con trai cả là Zabosai (1956-, trưởng môn hiện tại) (Báo Yomiuri Osaka 2006: 3). Bên cạnh các hoạt động nhằm phổ biến trà đạo, Hounsai đã tiếp tục chỉnh sửa và chuẩn hóa Wakei chabako để phù hợp với hoàn cảnh đất nước thời chiến và hậu chiến.

Chabako hay còn được gọi là Chakago, ý chỉ chiếc hộp nhỏ gọn, dùng để đựng những dụng cụ tối thiểu cần thiết cho việc pha trà. Với thiết kế đơn giản và gọn nhẹ, chiếc hộp này có thể dễ dàng mang theo khi đi xa, phù hợp với việc pha trà ở ngoài trời. Trà sư Sen no Rikyu được coi là người đầu tiên sáng tạo ra nghi lễ trà này²⁶. Tương truyền, trong thời Chiến quốc, ông thường mang theo Chabako ra chiến trường và pha trà cho Hideyoshi. Đến thời Meiji, Gengensai thực hiện điều chỉnh các nghi lễ liên quan đến Chabako, tạo nên sự hoàn chỉnh về yếu tố mùa trong Chabako. Bên cạnh các nghi lễ có sẵn là Yuki (tuyết, tượng trưng cho mùa đông), Hana (hoa, tượng trưng cho mùa xuân), Tsuki (trăng, tượng trưng cho mùa thu), ông đề xuất thêm Uno hana (tượng trưng cho mùa hạ)²⁷. Trong đó, Wakei chabako là nghi lễ được điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh lúc bấy giờ. Năm 1945, Hounsai đã thực hiện nghi lễ này và pha trà cho đồng đội trước khi xuất trận.

²⁶ Cuốn sách cổ về trà đạo “Nam phường lục” đã ghi lại rằng tại tiệc trà tổ chức ngoài trời tại chùa Daizen (nay thuộc Yamanashi), Rikyu đã sắp xếp trà cụ vào một chiếc hộp và thực hiện pha trà. Đây được xem là điểm xuất phát của chabako (Tankosha 2020: 44-48).

²⁷ Uno hana trong tiếng Việt là hoa chi tử hoặc hoa dành dành, thuộc họ Tú cầu. Hoa màu trắng nhỏ nhắn, nở thành từng chùm rực rỡ vào cuối xuân và đầu hè (khoảng tháng 5-6 ở Nhật Bản).

²⁵ Truy cập ngày 10 tháng 02 năm 2025.
<https://www.urasenke.or.jp/textc/tan>.

Bảng 1: Dấu ấn chính của các trường môn phái Urasenke (Giai đoạn 1868-1945)

Đời	Tên	Hiệu	Dấu ấn chính
11	Seichu Soshitsu (1810- 1877)	Gengensai	Năm 1860, đề cập đến mục đích của Kenchaban (lễ dâng trà) lên Thiên hoàng. Năm 1872, sáng tạo ra nghi lễ Ryurei. Điều chỉnh lễ Shichiji shiki phù hợp với bối cảnh mới. Sáng tạo nghi thức Chabako Uno hana, hoàn thiện yếu tố về mùa trong chabako bên cạnh 3 phương pháp có sẵn là Tsuki, Yuki, Hana.
12	Jikiso Soshitsu (1852-1917)	Yumyosai	Củng cố, phát triển Urasenke trong bối cảnh khó khăn thời Meiji.
13	Tetchu Soshitsu (1872-1924)	Ennosai	Phổ cập trà đạo thông qua kết hợp giáo dục học đường và xuất bản sách, tạp chí hàng tháng về trà đạo Urasenke. Đề xuất nghi lễ Bonryaku temae, tiến hành dạy tại các trường phổ thông dành cho nữ sinh. Đề xuất các nghi lễ trà khác như Daiennoshin, Koicha kakufuku date, Sanyu no shiki, Nagashidate, Shikishi date.
14	Sekiso Soshitsu (1893-1964)	Mugensai	Thành lập Urasenke Tankokai, hoạt động dựa trên sự hướng dẫn của chế độ trường môn. Nỗ lực trong việc phát triển trà đạo trong trường học và nơi làm việc, đồng thời tích cực truyền bá văn hóa trà đạo ra nước ngoài. Tạo ra 2 phương thức mới của Chabako là Wake, Shikishi.
15	Hanso Soshitsu/ Sen Genshitsu (1923-2025)	Hounsai	Dựa trên lịch sử và truyền thống của trà đạo, tập trung vào Chazen ichimi (Trà thiền nhất vị) ²⁸ , hướng tới hòa bình thế giới thông qua một bát trà. Dựa vào bối cảnh thời đại, đưa ra những thay đổi trong Wakei chabako, pha trà cho đồng đội trước khi xuất trận. Hoạt động tích cực ở cả nước ngoài (đi đến hơn 62 nước, đặc biệt tập trung Hawaii) trong việc truyền bá trà đạo.

(Nguồn: Tác giả lập dựa trên tham khảo tài liệu Sen và cộng sự 2004: 342-352)

4. Ý nghĩa

Trong những năm đầu thời Meiji, trà đạo nói chung, trà phái Urasenke nói riêng rơi vào tình trạng khó khăn khi luồng văn minh phương Tây ồ ạt du nhập vào, khi xã hội đứng trước những thay đổi vũ bão. Trà

đạo lúc này bị xem như môn giải trí đơn thuần, người học có xu hướng bất chước nghi thức thay vì tìm hiểu ý nghĩa sâu xa, tác dụng của việc luyện tập. Những yếu tố đó đặt các phái trà vào thử thách cần phải hiểu, chấp nhận, bắt kịp thời thế và mạnh dân thay đổi để trà đạo tiếp tục tồn tại và phát triển. Từ hoàn cảnh khách quan và chủ quan, phái Urasenke đã kịp thời có những đề xuất trong việc điều chỉnh các nghi lễ trà. Tính chủ động tạo nên những thay đổi mới để hòa nhập, bắt kịp thời đại là điểm nổi bật của Urasenke so với hai phái còn lại trong nhà Sen. Trong giai đoạn 1868-1945, quá

²⁸ Khái niệm thường được nhấn mạnh bởi Rikyu và Joshinsai, thể hiện sự giao thoa giữa thiền tông và nghệ thuật trà. Cả hai đều đòi hỏi sự tập trung cao độ, sự hòa quyện giữa tâm hồn và thể chất, chú trọng vào giây phút hiện tại, hướng tới sự giản dị, trân trọng vẻ đẹp không hoàn hảo, tinh thần Wabi sabi.

trình cận đại hóa nghi lễ trà được thể hiện qua hai xu hướng chính như sau: ① đề xuất các nghi lễ mới (nhằm thích nghi với lối sống mới, nền văn minh phương Tây, hướng đến đối tượng muốn tìm hiểu, trải nghiệm trà đạo), ② điều chỉnh các nghi lễ vốn có (vừa nhằm duy trì vừa để thích nghi với sự thay đổi của xã hội, thể hiện sự tôn trọng yếu tố cá nhân, hướng đến đối tượng muốn tìm hiểu sâu về trà đạo).

Sau khi nghi lễ trà được hoàn thiện bởi Rikyu, nếu nói về hai cải tiến lớn trong nghi lễ trà, không thể không kể đến nghi lễ Shichiji shiki²⁹ và nghi lễ Ryurei này (Naya 2020: 7). Gengensai đã tận dụng thời cơ, nghiên cứu rõ xu hướng của thời đại, tính tất yếu của tương lai, không quá đặt nặng nghi thức truyền thống mà dũng cảm đưa ra nghi lễ phù hợp với bối cảnh lúc bấy giờ. Bước sang thời Meiji, số lượng bàn ghế theo kiểu phương Tây dần xuất hiện. Năm 1874 Nhật Bản đã sản xuất 1.448 chiếc ghế, 2.735 chiếc bàn (Phan Hải Linh 1997: 84). Điều này cho thấy lối sống theo phong cách phương Tây ngày càng được ưa chuộng, lối sinh hoạt ngày càng thay đổi. Các căn nhà kiểu Nhật giảm đi, người dân không nhất thiết phải học những cung cách khi sinh hoạt ở phòng truyền thống có tatami. Sự ra đời đúng, kịp lúc của Ryurei là câu trả lời cho sự thay đổi của thời thế. Được xây dựng mới trong giai đoạn này, nghi lễ Ryurei có những ưu điểm nổi bật như linh hoạt về thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia đến việc khách có thể thoải mái ngồi ghế thay vì seiza³⁰, không chỉ người Nhật mà người

nước ngoài cũng dễ dàng tiếp cận và trải nghiệm. Hơn nữa, đây là bước đầu xóa bỏ đi những định kiến về trà đạo như khó tiếp cận, yêu cầu nghiêm ngặt về nghi lễ, các nghi thức phức tạp, v.v.. Nghi lễ Ryuire là hình thức hiện đại, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến trà đạo sâu rộng ở Nhật Bản cũng như ở nước ngoài. Sau khi nghi lễ này ra đời, các phái trà khác, tiêu biểu như Omotesenke cũng nhận ảnh hưởng về cách pha trà mới này của Urasenke, phái trà này tiếp nhận và điều chỉnh để phù hợp với phong cách trà cổ điển của mình.

Bên cạnh vai trò của Gengensai, Ennosai đóng vai trò quan trọng thông qua việc phổ biến trà đạo sâu rộng trong trường học, tạo nền tảng cho sự phát triển của phái trà trong những giai đoạn sau. Với đặc điểm chính mỗi người dùng một bát Koicha riêng, nghi lễ Koicha kakufuku date ra đời xóa bỏ đi những lo ngại về khoảng cách và vệ sinh cá nhân. Bên cạnh sự hưởng ứng của nhiều người, một số trà nhân cho rằng nghi lễ này đánh mất đi yếu tố truyền thống của nghi lễ liên quan đến Koicha. Họ cho rằng việc uống riêng bát trà làm giảm đi bầu không khí trang nghiêm hay ý nghĩa vốn có của việc uống xoay vòng là để tăng tính đoàn kết và tin tưởng lẫn nhau. Đặc biệt, phái trà Omotesenke đến nay vẫn giữ nguyên truyền thống các khách cùng uống chung một bát Koicha. Tuy nhiên, tính thời đại của nghi lễ phản ánh rõ trong bối cảnh vi-rút Corona mới lây lan khắp thế giới năm 2020. Sau khi tình hình dịch bệnh được cải thiện hay cho đến nay, các lớp học trà hay các Chakai (Trà hội), Chaji (Trà sự) vẫn sử dụng phương pháp này như một biện pháp thiết yếu để đối phó với bối cảnh mới và thể hiện tinh thần hiếu khách. Trước thách thức thay đổi của bối cảnh xã hội, nghi lễ trà bắt buộc phải đưa ra những thay đổi phù hợp, kakufuku

²⁹ Joshinsai (trưởng môn đời thứ 7 của Omotesenke) và em trai Yugensai (trưởng môn thứ 8 của Urasenke) cùng nhau sáng tạo ra nghi lễ Shichiji shiki vào giữa thời Edo. Lúc này, trà đạo có xu hướng chuyển từ môn tu luyện dành cho nam giới thành môn học tu dưỡng của nữ giới. Với sự ra đời của các phương thức tập trong 7 nghi lễ nói chung, trà đạo đáp ứng yêu cầu khi người học tăng độ xuất. Nghi lễ cho phép nhiều người (5-8) đồng thời thực hiện nghi lễ.

³⁰ Nghi lễ này đặc biệt thích hợp với các nước phương Tây không có truyền thống ngồi seiza. Với các nước ở

châu Á, đặc biệt là Hàn Quốc cho việc cúi người chào trên chiếu tatami là dogeza (quỳ để tạ lỗi khi phạm sai lầm lớn).

date là một trong những thay đổi lớn trong nghi lễ trà đạo nói chung, nghi thức dành cho koicha nói riêng. Như vậy, dù ra đời cách nay hơn 100 năm nhưng nghi lễ vẫn phù hợp với bối cảnh hiện tại và thể hiện được tinh thần kính khách, sự tôn trọng, suy nghĩ vì đối phương.

Nếu trong giai đoạn 1868-1912, nghi lễ trà Urasenke được điều chỉnh nhằm phù hợp với lối sống hiện đại hóa, cá nhân hóa thì tới những năm 1912-1945, các nghi lễ trà được thay đổi nhằm hướng đến việc tạo nên cái nhìn tích cực về thể giới trà đạo và hoàn thiện việc đưa trà đạo vươn ra khỏi trà thất. Có thể tổng kết những đặc điểm cận đại hóa nghi lễ trà phái Urasenke giai đoạn này như sau: ① nghi lễ trà được giản lược, đơn giản hóa (nhằm tạo nên cách nhìn mới, phổ biến trà đạo sâu rộng tới nhiều đối tượng), ② nghi lễ trà vươn ra hoàn toàn khỏi phạm vi trà thất nhờ “chí hướng thu nhỏ” của các trà nhân (nhằm đơn giản hóa nghi thức, đào tạo sâu rộng người học).

Nghi lễ Bonryaku temae ra đời là minh chứng rõ nhất cho khao khát tái xác lập và phát triển trà đạo của Ennosai. Đây là bài tập nhập môn, giúp người học vận dụng những kiến thức cơ bản đã học ở bước warigeiko. Ra đời trong những năm hậu chiến với sự thiếu thốn về vật chất, nghi lễ thân thuộc với người dân bởi tính giản dị và đơn giản. Nghi lễ với những ưu điểm như trà cụ gọn nhẹ, có thể linh hoạt chuẩn bị, các động tác được giản lược hóa, số lượng các bước pha trà vừa phải. Bên cạnh đó, nghi lễ trở nên linh hoạt hơn bao giờ hết về địa điểm tổ chức, Bonryaku không bắt buộc phải thực hiện ở trà thất, phải ngồi seiza mà có thể tập theo kiểu Ryurei đánh trà trên bàn, thoải mái về thời gian tổ chức. Với những ưu điểm này, những người mới học có thể nhẹ nhàng với việc trải nghiệm đồng thời có thể tự pha trà mời khách. Có thể thấy nếu Bonryaku temae là nghi lễ mang tính phổ cập và tính thu hút cao thì Chabako là

nghi lễ nâng cao kỹ năng, bài bản hóa, yêu cầu cao với sự kết hợp giữa luyện tập và tu dưỡng tinh thần.

Với sự giản lược, tối giản hóa trà cụ, các nghi lễ trà trong giai đoạn này thể hiện chí hướng “thu nhỏ” của các trà nhân. “Chí hướng” này được Lee O Young (1934-2022) đề cập đến trong tác phẩm *Người Nhật Bản với chí hướng thu nhỏ* (1998). Ông cho rằng trong văn hóa Nhật Bản, những gì đặc sắc luôn nhỏ bé và tinh tế³¹. Bên cạnh đó, tác giả bài viết cho rằng chí hướng “thu nhỏ” này phù hợp khi bàn về trà đạo. Cụ thể, Chabako là chí hướng nhằm thu nhỏ cả trà thất vào một chiếc hộp nhỏ duy nhất. Với Chabako, các trà cụ cần thiết cho việc pha trà được sắp xếp, lồng ghép vào nhau một cách cẩn thận, nâng niu vào một không gian nhỏ. Nhờ tính gọn nhẹ, linh hoạt, Chabako có thể mang theo và thực hiện ở bất cứ đâu. Theo đó, các nghi lễ trà hoàn thiện việc vươn ra khỏi trà thất, tiến hành thoải mái ở các điểm như phòng khách, các khu vườn, địa điểm dã ngoại, v.v.. Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn sau chiến tranh, không chỉ với Bonryaku, Chabako với sự giản lược trà cụ giúp người học dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu về trà đạo. Không chỉ vậy, trong giai đoạn này, người học trà đã thực hiện nghi lễ này như một phương tiện giảm bớt căng thẳng, tìm đến sự thanh bình, hướng về chính mình. Trong đó Wakei chabako là nghi lễ thể hiện tình cảm của người lính khi pha bát trà cuối tiền đồng đội đang đối mặt với cái chết và trở thành biểu tượng cho mong muốn được sống trong thời bình³². Đến trước khi mất (14/8/2025), Hounsai vẫn giữ truyền thống thực hiện Wakei vào dịp hè

³¹ Trong tác phẩm, tác giả Lee cho rằng “chí hướng thu nhỏ” của người Nhật thể hiện rõ qua triết lý trong nghệ thuật cây cảnh Bonsai, Ikebana, kiểu dôn nén của cơm hộp bento, ngôn ngữ mang nhiều tầng ý nghĩa dựa vào ngữ cảnh (từ domo), v.v..

³² Nghi lễ Wakei chabako được Hounsai thực hiện pha trà cho đồng đội trước khi lên máy bay cảm tử trong một đêm tới những năm 1945.

mỗi năm nhằm tưởng nhớ những đồng đội đã mất cũng như thể hiện sự biết ơn đối với thời bình thông qua một bát trà. Hưởng thọ ở tuổi 102, cựu trưởng môn đã đóng vai trò quan trọng trong việc quảng bá nghệ thuật thưởng trà như một cầu nối văn hóa, một phương tiện giao lưu và chia sẻ văn hóa giữa các dân tộc.

5. Kết luận

Trên đây, tác giả đã đi sâu lý giải những động lực và bối cảnh thúc đẩy trà đạo bước vào quá trình cận đại hoá và quốc tế hoá, làm rõ chiến lược và tư duy phát triển của phái Urasenke so với các phái trà khác. Trước áp lực phương Tây hoá, chiến tranh, thay đổi xã hội, Urasenke đã chủ động điều chỉnh thay vì bị động bảo thủ như một số trường phái khác. Những nghi lễ được đề cập ở trên (Ryurei, Koicha kakufuku date, Bonryaku temae, Chabako, v.v.) thể hiện vai trò trung tâm của phái trong quá trình cải cách trà đạo từ nửa sau thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX. Tất cả đã giúp nhấn mạnh tư duy “truyền thống kết nối với hiện đại”, “hoà nhập nhưng không hoà tan”, cởi mở với giá trị mới bên cạnh bảo tồn những giá trị cốt lõi trong trà đạo như Wa-Kei-Sei-Jaku, Ichigo Ichie (Nhất kỳ nhất hội)³³. Có thể thấy những bài học quá khứ như “chí hướng thu nhỏ”, “quốc tế hoá” vẫn còn nguyên giá trị đối với trà đạo ngày nay, đặc biệt trong bối cảnh già hoá dân số và quốc tế hoá văn hoá Nhật Bản.

Tuy nhiên, do thiếu nguồn tư liệu chi tiết liên quan đến quá trình triển khai các nghi lễ mới nên bài viết chưa thể làm rõ phản ứng xã hội đối với các nghi lễ mới cũng như tranh luận trong nội bộ giới trà đạo Nhật Bản. Ngoài ra, trong bối cảnh toàn cầu hoá,

các nghi lễ có vai trò như thế nào trong việc định hướng lại và mở rộng đối tượng người học trong và ngoài nước vẫn chưa được làm sáng tỏ. Đây là hai vấn đề sẽ cần tiếp tục nghiên cứu.

Phụ lục

Tóm tắt các nghi lễ

Shichiji shiki: Joshinsai (trưởng môn đời thứ 7 của Omotesenke) và em trai là Yugensai, trưởng môn thứ 8 của Urasenke) đề xuất, đưa vào thử nghiệm vào giữa thời Edo. Nghi lễ được đưa ra nhằm củng cố lại vị trí của trà đạo trong xã hội Nhật Bản, là phương thức luyện tập mới đáp ứng sự tăng mạnh lượng người học, đưa trà đạo trở thành con đường tu tâm dưỡng tính.

Ryurei shiki: Gengensai đề xuất vào năm 1872, nghi lễ lần đầu tiên ra mắt trong dòng sự kiện Hội chợ Triển lãm Kyoto lần thứ nhất. Nghi lễ phục vụ trà khi chủ trà ngồi ghế, đánh trà ở bàn và phục vụ khách, được tổ chức ở cả phạm vi ngoài trà thất.

Chabako: Các nghi lễ liên quan được sáng tạo, hoàn thiện bởi Gengensai, Mugensai, Hounsai. Các trà cụ cần thiết được đặt vào một chiếc hộp và có thể thực hiện linh hoạt ở nhiều vị trí ngoài trà thất. Chabako gồm 6 phương thức: Yuki, Hana, Tsuki, Uno hana, Wakei và Shikishi.

Daiennoshin: Ennosai sáng tạo ra, là bài tập bí truyền của phái Urasenke. Nghi lễ được tiến hành khi đặt các trà cụ lên một chiếc kệ.

Koicha kakufuku date: Ennosai đề xuất năm 1911, là nghi lễ Koicha trong đó mỗi khách được mời một bát trà riêng.

Sanyu shiki: Ennosai đề xuất, nghi lễ gồm 3 phần chính: cắm hoa, châm hương, đánh Usucha với 5 người tham gia trong trà thất 8 chiếu.

³³ “Một thời điểm, một cuộc gặp gỡ”. Mỗi lần gặp gỡ đều đáng quý và không bao giờ lặp lại nên hãy trân trọng từng khoảnh khắc, dùng sự chân thành nhất để trải nghiệm.

Nagashi date: Ennosai bổ sung, phục hồi và đưa vào việc luyện tập. Đây là một trong những nghi lễ đặc biệt, được tiến hành giữa một chủ và một khách trong bầu không khí ấm áp, thân mật.

Bonryaku temae: Ennosai sáng tạo ra, được áp dụng từ năm 1914. Nghi lễ dành cho những người đã thành thạo warigeiko. Đây là phương thức đánh trà trên khay, các trà cụ cần thiết được đặt trên khay obon trong toàn bộ quá trình.

Tài liệu trích dẫn

- Lee, O Young. 1998. *Người Nhật với chí hướng thu nhỏ*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Nguyễn Quốc Hùng. 2007. *Lịch sử Nhật Bản*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới.
- Phan Hải Linh. 1997. “Bunmei Kaika và sự biến đổi trong đời sống vật chất của người Nhật”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* 4 (293): 75-84.
- 日本国語大辞典第二版編集委員会. 1972. 『日本国語大辞典第二版第一巻』. 東京: 小学館 1972 (Ban biên tập Nhật Bản Quốc ngữ đại từ điển, Tái bản lần thứ hai. 1972. *Nhật Bản Quốc ngữ đại từ điển, Tái bản lần thứ hai, Tập 1*. Tokyo: Shogakukan).
- ゲン・ティ・トゥイ・ガン. 2024. 『日本の若者の茶道に対する意識』 27-37. 研修レポート集 東京学芸大学 日本語・日本文化研修留学生 (Nguyễn Thị Thuý Ngân. 2023. “Nhận thức của thanh niên Nhật Bản đối với trà đạo”. Trang 27-37 trong sách *Tuyển tập báo cáo Sinh viên quốc tế về đào tạo tiếng Nhật và văn hóa Nhật Bản*, Đại học Tokyo Gakugei).
- 千宗室、千玄室. 2004. 『裏千家茶道』. 京都: 財団法人今日庵 (Sen, Soshitsu. 2004. *Trà đạo Urasenke*. Tokyo: Kyoto: Tổ chức pháp nhân Konnichian).
- 千宗室. 1966. 『茶の湯 裏千家』. 東京: 株式会社主婦の友社 (Sen, Soshitsu. 1966. *Chanoyu Urasenke*. Tokyo: Nhà xuất bản Shufu no tomo).
- 千宗室. 1963. 『風興集』. 京都: 淡交社 (Sen, Soshitsu. 1963. *Phong hưng tập*. Kyoto: Nhà xuất bản Tankosha).
- 千玄室. 2016. 『日本人の心、伝えます』. 東京: 幻冬舎 (Sen Soshitsu. 2016. *Truyền đạt tâm hồn người Nhật*. Tokyo: Nhà xuất bản Gentosha).
- 太田直希. 2017. 茶道の文化経済学、同志社大学大学院 (Oita, Naoki. 2017. “Kinh tế học về Văn hóa trà đạo”. Trường Đại học Doshisha).
- 岡倉覚三. 1906. 『茶の本』. 東京: 岩波文庫 (Okakura Tenshin. 1906. *Trà thư*. Tokyo: Nhà xuất bản Iwanami).
- 文化庁地域文化創生本部事務局. 2020. [生活文化調査研究事業(茶道)]報告 (Tổng cục Văn hóa Nhật Bản. 2020. “Dự án nghiên cứu lối sống văn hóa (Trà đạo)”. Truy cập tháng 2 năm 2025. https://www.bunka.go.jp/tokei_hakusho_shuppan/tokeichosa/seikatsubunka_chosa/pdf/93014801_06.pdf).
- 桑田忠親. 1967. 『茶道の歴史』. 東京: 東京堂出版 (Kuwata, Tadachika. 1967. *Lịch sử trà đạo*. Tokyo: Nhà xuất bản Tokyodo).
- 海外起業家 ‘s E G G, 日本の茶道人口推移と経営者・ビジネスマン必須の男の嗜み「茶道」(EGG, Tổ chức khởi nghiệp tại nước ngoài. 2018. “Xu hướng lượng người học trà và thị hiếu của những người đàn ông cần thiết cho các doanh nhân”. Truy cập tháng 2 năm 2025. <https://worldsegg.com/teaceremony-japan/>).
- 熊倉功夫. 1990. 『茶の湯の歴史—千利休まで』. 東京: 朝日新聞社 (Kumakura, Isao. 1990. *Lịch sử trà đạo-Cho đến thời Sen no Rikyu*. Tokyo: Báo Asahi).
- 田中仙翁. 1993. 『茶道入門ハンドブック』. 東京: 株式会社三省堂 (Tanaka, Sengo. 1993. *Cẩm nang nhập môn trà đạo*. Tokyo: Nhà xuất bản Sanseido).
- 納屋嘉人. 2020. 『玄々斎の茶と時代 変革の世に合う、茶の湯の真値』. 京都: 淡交社 (Naya, Yosshito. 2020. *Trà của Gengensai và thời đại: Giá trị đích thực của trà đạo trong một thế giới đầy biến động*. Kyoto: Tankosha).
- 裏千家(財) 今日常「裏千家ホームページ」(Trang chủ của Urasenke. 2015). Truy cập tháng 2 năm 2025. <https://www.urasenke.or.jp/textc/tan/kyokai>.
- 読売新聞大阪. 2006. 『一碗から平和を』祈り続け (Báo Yomiuri Osaka. 2006. *Từ một bát trà tiếp tục nguyện cầu cho hòa bình*).

読売新聞大阪. 2006. 『戦況悪化特攻隊に志願』 (Báo Yomiuri Osaka. 2006. *Chiến sự xấu đi, tình nguyện vào đội đặc nhiệm cảm tử*).

谷晃. 2007. 『茶人たちの日本文化史』 . 東京:株式会社講談社 (Tani, Akira. 2007. *Lịch sử văn hóa Nhật Bản của các trà nhân*. Tokyo: Nhà xuất bản Kodansha).